

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**  
**TỈNH CÀ MAU**  
Bản án số: **10/2021/HNGĐ-PT**  
Ngày 01 tháng 4 năm 2021  
(*V/v xin ly hôn*)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Ninh Quang Thế**

*Các Thẩm Phán:* - Ông **Dương Hùng Quang**

- Bà **Bùi Thị Phương Loan**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Võ Thị Thùy Linh** – Là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Diễm Thúy** - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số: 06/2021/TLPT-DS ngày 18 tháng 02 năm 2021 về việc “*Xin ly hôn*”.

Do Bản HNGĐ sơ thẩm số: 08/2021/DS-ST ngày 11 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân Thành phố C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 09/2021/QĐ-PT ngày 05 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Nhà không số, đường D5, khu tái định cư, khóm 3, phường 4, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

*Người đại diện hợp pháp của chị T đối với tranh chấp tài sản và nợ:* Bà **Nguyễn Thị Thúy H**, sinh năm 1986; Địa chỉ cư trú: Long Thuận A, xã Long Phước, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 31/3/2021.

*Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho nguyên đơn:* Bà **Đặng Thị Thành Đ**, sinh năm 1979, là Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH MTV Luật Thành Phố, đoàn Luật sư Thành Phố Hồ Chí Minh bảo vệ quyền lợi cho chị T.

**- Bị đơn:** Anh **Hoàng Thế C**, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Nhà không số, đường D5, khu tái định cư, khóm 3, phường 4, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

**1/ Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu Tư và Phát triển Việt Nam.**

Địa chỉ: Tháp BIDV, số 35, Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng: Ông Phạm Hồng Khánh, trưởng phòng khách hàng cá nhân - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Cà Mau, là người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 17/02/2021 (Có mặt).

2/ Ông **Nguyễn Thành C1**, sinh năm: 1953 (vắng mặt).  
Địa chỉ cư trú: Số 401, Tạ Uyên, phường 9, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

3/ Anh **Bào Huê T** (xin vắng mặt)  
Địa chỉ cư trú: Khóm 3, phường Tân Thành, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Chị Nguyễn Thị T là nguyên đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Về hôn nhân:* Chị T, anh C kết hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống gần đây thường phát sinh nhiều mâu thuẫn không dung hòa được, nay anh chị thống nhất yêu cầu Tòa án cho anh chị được ly hôn nhau.

*Về con chung:* Chị T, anh C xác định chưa có con chung.

*Về tài sản chung:* Chị T, anh C xác định có tài sản sau:

- 01 phần đất nông nghiệp diện tích 1000m<sup>2</sup> thuộc thửa số 190, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại phường Tân Thành, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- Phần đất ở diện tích 240m<sup>2</sup>, thuộc thửa số 740, tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại khóm 3, phường 4, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Trên phần đất có 01 căn nhà tiền chế, kích thước ngang 4m, dài 24m, và 01 quán cà phê được cất tiền chế năm 2016 có kích thước 6m x 24m.

*Về nợ chung:* Chị T, anh C xác định vợ chồng có nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Cà Mau hai hợp đồng vay với tổng số tiền vay là 1.000.000.000 đồng.

*Nợ người khác thiếu:* Vợ chồng có cho ông Nguyễn Thành C vay số tiền 250.000.000 đồng.

Khi ly hôn về tài sản chung chị T yêu cầu phân chia: Phần đất ở phường Tân Thành chia đôi mỗi người nhận 500m<sup>2</sup>. Phần đất ở phường 4 chia đôi chị nhận phần ngang 10m, dài 12m trên đất có ½ căn nhà, và ½ quán cà phê ở mặt tiền đường D5; Giao cho anh C nhận phần đất còn lại ngang 10m, dài 12m, ½ căn nhà và ½ quán cà phê ở mặt tiền đường D1.

Nợ Ngân hàng mỗi người có trách nhiệm trả một nửa.

Số tiền ông C1 thiếu chia đôi mỗi người 125.000.000 đồng, phần của chị, chị chưa yêu cầu ông C1 thanh toán, khi cần chị sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác

Anh C yêu cầu phân chia: Phần đất ở phường Tân Thành, nguồn gốc có được là do anh dùng số tiền chuyển nhượng phần đất là tài sản riêng của anh để mua và để chị T đứng tên. Anh có công sức đóng góp nhiều hơn nên anh chỉ chấp nhận chia cho chị T 30% tổng giá trị đất.

Đối với phần đất diện tích 240m<sup>2</sup> ở phường 4, thành phố C, nguồn gốc là tài sản riêng của anh có trước hôn nhân. Cụ thể vào năm 2010 anh nhận chuyển nhượng phần đất nông nghiệp có diện tích 1.458m<sup>2</sup>, được Ủy ban nhân dân Tp.C

cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB518314 ngày 16/8/2010, năm 2013 Ủy ban nhân dân Tp.C quyết định thu hồi của anh 1446,7m<sup>2</sup> làm dự án LIA 4, đo đạc thực tế phần đất của anh bị thu hồi là 1.291,8m<sup>2</sup>, trong đó gồm phần bồi thường có diện tích 416,25m<sup>2</sup>, phần hoán đổi nền có diện tích 817,7m<sup>2</sup> được hoán đổi 04 nền đường D1 và D5 là 240m<sup>2</sup>, hiến nhà nước 57,85m<sup>2</sup>, phần đất thừa còn lại của anh là 166,2m<sup>2</sup>, ngày 20/10/2016 anh lập hợp đồng tặng cho phần đất thừa này cho chị T. Anh yêu cầu nhận hết phần đất 240m<sup>2</sup>, chia cho chị T 30% tổng giá trị bằng tiền.

Đối với phần kinh phí xây dựng căn nhà tiền chế ngang 4m dài 24m với chi phí 480.000.000 đồng là tiền của anh vay thế chấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là tài sản riêng của anh.

Về nợ chung: Anh đồng ý mỗi người trả  $\frac{1}{2}$  cho Ngân hàng.

Số nợ ông C1 thiếu chia đôi mỗi người nhận  $\frac{1}{2}$ , anh yêu cầu ông C1 thanh toán cho anh 125.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi 2%/tháng kể từ ngày 01/8/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Ngoài ra chị T cho rằng anh C có mua của ông Trần Văn Cuộc, ông Trần Minh Lân có 01 phần đất nông nghiệp với số tiền 330.000.000 đồng. Hiện tại anh C, ông Lân, ông Cuộc đã nhượng lại nền tái định cư cho bà Nguyễn Ngọc Bích với số tiền 720.000.000 đồng, số tiền này anh C đang quản lý và yêu cầu chia. Anh C xác định không có.

Các tài sản trong nhà gồm: 01 tủ lạnh hiệu Toshiba, 01 máy giặt hiệu Toshiba, 01 tivi hiệu Panasonic, 01 máy lạnh hiệu Daikin, Chị T rút yêu cầu đối với số tài sản này.

*Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát Triển Việt Nam trình bày:* Ông Hoàng Thế C, bà Nguyễn Thị T có vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát Triển Việt Nam (gọi tắt là Ngân hàng) số tiền 520.000.000 đồng. Thời hạn vay là 12 tháng. Theo hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 88/2019/5761767/HĐTD ngày 30/01/2019, lãi suất cho vay trong hạn 9,5%/năm, áp dụng lãi suất thả nổi được điều chỉnh theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng từng thời kỳ. Lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Đảm bảo cho khoản vay này, anh C, chị T thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 696670 do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp ngày 28/7/2017 đối với phần đất diện tích 240m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 02, thửa số 740 tọa lạc tại khóm 3, phường 4, thành phố C.

Đến thời điểm tháng 7/2020 khoản nợ vay đã quá hạn, ngân hàng yêu cầu anh C, chị T thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày xét xử là 555.925.739 đồng trong đó nợ gốc 518.660.222 đồng và lãi là 37.265.517 đồng. Trường hợp anh C, chị T không thanh toán khoản nợ trên, yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để bảo đảm thi hành án cho Ngân hàng.

Đối với khoản vay 480.000.000 đồng anh C đã thanh toán xong.

*Anh Bào Huê Triều trình bày:* Anh đang thuê phần đất 1000m<sup>2</sup> tọa lạc tại khóm 1, phường Tân Thành, thành phố C, tỉnh Cà Mau của anh C để trồng rau và nuôi cá từ năm 2019, tiền thuê mỗi năm là 1.500.000 đồng. Việc thuê đất chỉ thỏa thuận bằng miệng không làm văn bản. Nay chị T xin ly hôn anh C và yêu cầu phân

chia phần đất anh đang thuê, vấn đề này anh Triều sẽ tự thỏa thuận với anh C, chị T, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do bận công việc nên anh xin vắng mặt không tham gia tố tụng.

*Ông Nguyễn Thành Công trình bày:* Ông Thừa nhận có vay của vợ chồng anh C và chị T số tiền 250.000.000 đồng. Nay vợ chồng chị T, anh C ly hôn các bên thỏa thuận số tiền này chia đôi mỗi người 125.000.000 đồng, ông đồng ý thanh toán theo yêu cầu của chị T, và đồng ý trả cho anh C số tiền 125.000.000 đồng, xin không trả lãi.

*Đối với kết quả đo đạc, định giá tài sản:* Chị T, anh C thống nhất với kết quả đo đạc. Đối với kết quả định giá tài sản do chị T anh C yêu cầu hai đơn vị thẩm định giá khác nhau, kết quả thẩm định giá tài sản của vợ chồng cũng khác nhau, ngày 06/11/2020, anh C, chị T thống nhất giá trị của hai phần đất bằng cách tính trung bình kết quả thẩm định của hai Công ty mà anh chị đã yêu cầu thẩm định, cụ thể giá đất hai công ty đã thẩm định (3.669.076.560 đồng + 2.952.000.000 đồng): 2 = 3.310.538.000 đồng. Đối với các tài sản khác sử dụng giá tại chứng thư thẩm định giá của Công ty TNHH kiểm toán và định giá Thăng long – T.D.K.

*Từ nội dung trên, tại Bản án HNGĐ sơ thẩm số: 08/2021/DS-ST ngày 11 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân Tp.Cà Mau quyết định:*

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Hoàng Thế C.
2. Về con chung: Không có, không xem xét.
3. Về tài sản chung:

Đối với phần đất ở có diện tích 240m<sup>2</sup> tọa lạc tại khóm 3, phường 4, thành phố C theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH 696670 được Ủy ban nhân dân thành phố C cấp ngày 28/7/2017. Chị Nguyễn Thị T được nhận 30% có giá trị 993.161.500 đồng, anh Hoàng Thế C được nhận 70% có giá trị 2.317.376.780 đồng.

Đối với căn nhà cấp 4 và mái che trên phần đất 240m<sup>2</sup> tọa lạc tại khóm 3, phường 4, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Chị Nguyễn Thị T, anh Hoàng Thế C mỗi người được nhận 50% khối tài sản có giá trị 172.371.800 đồng.

Đối với phần đất có diện tích 1000m<sup>2</sup> đất nông nghiệp tọa lạc tại khóm 1, phường Tân Thành, Tp.Cà Mau theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CH 434397 được điều chỉnh vào ngày 16/9/2019. Chị Nguyễn Thị T, anh Hoàng Thế C mỗi người được nhận 500m<sup>2</sup> có giá trị 124.331.000 đồng.

Giao toàn bộ phần đất 240m<sup>2</sup> tọa lạc tại khóm 3, phường 4, thành phố C, tỉnh Cà Mau cùng với căn nhà cấp 4 và mái che trên phần đất 240m<sup>2</sup> tọa lạc tại khóm 3, phường 4, thành phố C, tỉnh Cà Mau cho anh C tiếp tục sở hữu và quản lý sử dụng. Anh Hoàng Thế C có nghĩa vụ hoàn lại cho chị Nguyễn Thị T số tiền 1.165.533.300 đồng.

Giao toàn bộ phần đất có diện tích 1000m<sup>2</sup> đất nông nghiệp tọa lạc tại khóm 1, phường Tân Thành, thành phố C, tỉnh Cà Mau cho chị Nguyễn Thị T

tiếp tục quản lý sử dụng. Chị Nguyễn Thị T có nghĩa vụ hoàn lại cho anh Hoàng Thế C số tiền 124.331.000 đồng.

4. Về nợ chung: Buộc chị Nguyễn Thị T và anh Hoàng Thế C mỗi người có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương Mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam số tiền 294.883.291 đồng. Tổng cộng là 589.766.582 đồng trong đó nợ gốc là 516.660.222 đồng, lãi trong hạn là 46.782.109 đồng lãi quá hạn 26.324.251 đồng và lãi phát sinh từ ngày 11/01/2021 theo mức lãi suất được ghi nhận trong hợp đồng tín dụng số 18.091.057/2018-HĐCV/NHCT860, ký ngày 13/7/2018 đến khi thi hành xong.

Giao cho anh Hoàng Thế C có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ trên cho Ngân hàng. Chị Nguyễn Thị T có nghĩa vụ hoàn lại cho anh Hoàng Thế C số tiền 294.883.291 đồng và 240.000.000 đồng đối với khoản nợ chung mà anh C đã thanh toán xong. Tổng cộng là 534.883.291 đồng.

Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam có trách nhiệm trả lại cho ông Hoàng Thế C bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CH 696670 được Ủy ban nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau cấp ngày 28/7/2017, khi anh C tự nguyện thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp anh Hoàng Thế C không tự nguyện thanh toán nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

5. Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị Nguyễn Thị T đối với các vật dụng trong nhà.

6. Về chi phí đo đạc, thẩm định, định giá: Anh Hoàng Thế C có nghĩa vụ hoàn trả cho chị Nguyễn Thị T số tiền 12.610.500 đồng.

Đôi trừ các khoản anh C và chị T phải hoàn trả cho nhau. Anh Hoàng Thế C có nghĩa vụ hoàn lại cho chị Nguyễn Thị T số tiền 518.929.509 đồng.

7. Buộc ông Nguyễn Thành Công có nghĩa vụ thanh toán cho anh Hoàng Thế C số tiền 136.066.000 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo, lãi suất chậm thi hành của các đương sự.

- Ngày 26/01/2021 chị T kháng cáo yêu cầu chia đôi cho chị phần nhà và đất tại khóm 3, phường 4, Tp.Cà Mau.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:* Đại diện cho Chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, người đại diện cho chị T và Luật sư bảo vệ quyền lợi cho chị T đồng quan điểm cho rằng, nguồn gốc phần đất ở phường 4, Tp.Cà Mau là của anh C, chị T chỉ có công duy trì, phát triển, hiện tại chị T không có chỗ ở nên căn cứ khoản 4, điều 7, Thông tư liên tịch số 01/2016 ngày 06/01/2016 kiến nghị HĐXX sửa án sơ thẩm chia phần đất này cho chị T 40% tổng giá trị, và chia bằng hiện vật, cho chị T nhận phần đất của quán cafe ngang 6m dài 24m và phần kiến trúc quán cafe, phần chênh lệch chị T sẽ hoàn lại giá trị cho anh C.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu ý kiến:* Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ các quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị T, y án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Đơn kháng cáo của chị T nộp trong hạn luật định, được HĐXX xem xét theo quy định. Cấp sơ thẩm xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và thụ lý, giải quyết đúng thẩm quyền theo quy định tại điều 28, 35 Bộ luật TTDS.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của chị T:

- Đối với yêu cầu được nhận 50% giá trị đất: Tại phiên tòa chị T thay đổi yêu cầu kháng cáo, hạ tỷ lệ chia đất từ 50% xuống còn 40%, chị thừa nhận phần đất đang tranh chấp tại phường 4, có nguồn gốc của anh C có trước khi kết hôn với chị. Sau khi kết hôn, sau khi hoán đổi đất theo dự án, khi xin cấp QSDĐ thì hai vợ chồng đứng tên QSDĐ, bản thân anh, chị và cấp sơ thẩm xác định phần đất này đứng tên hai vợ chồng là tài sản chung để phân chia là phù hợp, tuy nhiên theo quy định tại khoản 2 điều 59 Luật HNGĐ quy định "...tài sản chung của vợ chồng được chia đôi nhưng có tính đến các yếu tố sau đây: ...b/ Công sức đóng góp của vợ chồng vào việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung ...", rõ ràng theo sự thừa nhận của anh, chị thì công sức đóng góp của anh C vào phần đất chung của vợ chồng là nhiều hơn, gần như là 100%, còn công sức đóng góp của chị T chỉ phát sinh sau khi hai người kết hôn, khi phần đất tranh chấp anh C đã mua và được cấp QSDĐ ổn định, nói chính xác công sức đóng góp của chị T chỉ phát sinh trong giai đoạn quản lý, và sử dụng đất đã có, do đó cấp sơ thẩm xác định công sức và phân chia cho chị được hưởng 30% giá trị đất là phù hợp, nên kháng cáo yêu cầu chia 40% giá trị đất của chị T không được chấp nhận.

- Đối với yêu cầu được phân chia một phần nhà và đất tại khóm 3, phường 4, Tp.Cà Mau: Đơn kháng cáo của chị T cho rằng cấp sơ thẩm không phân chia nhà, đất tại khóm 3, phường 4, Tp.Cà Mau cho chị, chị ra khỏi nhà không nơi cư trú, tuy nhiên cấp sơ thẩm đã giao cho chị 1.000m<sup>2</sup> đất tại phường Tân Thành Tp.Cà Mau, phần đất này quá đủ cho chị cất nhà và tăng gia sản xuất có thu nhập từ đất, tạo điều kiện cho chị đảm bảo cuộc sống sau ly hôn, hơn nữa nguồn gốc phần đất ở phường 4 Tp.Cà Mau là của anh C có trước khi kết hôn, điều quan trọng là khi hoán đổi đất nền với nhà nước, phần đất hoán đổi của anh còn thừa, anh C đã tặng cho riêng chị T 166,2m<sup>2</sup> đất gần phần đất đang tranh chấp, chị T đã được cấp QSDĐ và đang quản lý phần đất được cho này, cấp sơ thẩm khi phân chia đất có xem xét đến điều kiện sống, sinh hoạt và tạo điều kiện cho chị có thu nhập sau ly hôn, do đó yêu cầu kháng cáo được phân chia nhà, đất tại phường 4 Tp.Cà Mau của chị T không được chấp nhận. Quan điểm của đại diện VKS tại phiên tòa phù hợp với nhận định của HĐXX.

[3] Những vấn đề khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, cấp phúc thẩm không xem xét.

[4] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm trong hôn nhân, cấp sơ thẩm tính có sai số, cấp phúc thẩm đính chính lại theo quy định. Án phí phúc thẩm chị T phải chịu theo quy định tại điều 148 BLTTDS.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 1 điều 308; 148 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị T, giữ y bản án HNGĐ sơ thẩm số: 233/2020/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Tp.Cà Mau, tỉnh Cà Mau. *Tuyên xử:*

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Hoàng Thế C.
2. Về con chung: Chưa có.
3. Về tài sản chung:

Đối với phần đất ở có diện tích 240m<sup>2</sup> tọa lạc tại khóm 3, phường 4, thành phố C theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH 696670 được Ủy ban nhân dân thành phố C cấp ngày 28/7/2017. Chị T được nhận 30% tổng giá trị, có trị giá 993.161.500 đồng, anh C được nhận 70% có trị giá 2.317.376.780 đồng.

Đối với căn nhà cấp 4 và mái che trên phần đất 240m<sup>2</sup> tọa lạc tại khóm 3, phường 4, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Chị T, anh C mỗi người được nhận 50% giá trị, có trị giá 172.371.800 đồng.

Đối với phần đất có diện tích 1000m<sup>2</sup> đất nông nghiệp tọa lạc tại khóm 1, phường Tân Thành, Tp.Cà Mau theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CH 434397 được điều chỉnh vào ngày 16/9/2019. Chị T, anh C mỗi người được nhận 50% tổng giá trị, có trị giá 124.331.000 đồng.

Giao toàn bộ phần đất 240m<sup>2</sup> tọa lạc tại khóm 3, phường 4, thành phố C, tỉnh Cà Mau cùng với căn nhà cấp 4 và mái che trên phần đất 240m<sup>2</sup> tọa lạc tại khóm 3, phường 4, thành phố C, tỉnh Cà Mau cho anh C tiếp tục sở hữu và quản lý sử dụng. Anh C có nghĩa vụ hoàn lại cho chị T số tiền 1.165.533.300 đồng.

Giao toàn bộ phần đất có diện tích 1000m<sup>2</sup> đất nông nghiệp tọa lạc tại khóm 1, phường Tân Thành, thành phố C, tỉnh Cà Mau cho chị T tiếp tục quản lý sử dụng. Chị T có nghĩa vụ hoàn lại cho anh C số tiền 124.331.000 đồng.

4. Về nợ chung: Buộc chị T và anh C mỗi người có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương Mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam số tiền 294.883.291 đồng. Tổng cộng là 589.766.582 đồng trong đó nợ gốc là 516.660.222 đồng, lãi trong hạn là 46.782.109 đồng lãi quá hạn 26.324.251 đồng và lãi phát sinh từ ngày 11/01/2021 theo mức lãi suất được ghi nhận trong hợp đồng tín dụng số 18.091.057/2018-HĐCV/NHCT860, ký ngày 13/7/2018 đến khi thi hành xong.

Anh C có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ trên cho Ngân hàng. Chị T có nghĩa vụ hoàn lại cho anh C số tiền 294.883.291 đồng và 240.000.000 đồng đối với khoản nợ chung mà anh C đã thanh toán xong. Tổng cộng là 534.883.291 đồng.

Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam có trách nhiệm trả lại cho anh C bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CH 696670 được Ủy ban nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau cấp ngày 28/7/2017, khi anh C thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp anh C không tự nguyện thanh toán nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

5. Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị Nguyễn Thị T đối với các vật dụng trong nhà.

6. Về chi phí đo đạc, thẩm định, định giá: Anh C có nghĩa vụ hoàn trả cho chị T số tiền 12.610.500 đồng.

Đôi trừ các khoản anh C và chị T phải hoàn trả cho nhau. Anh Hoàng Thế C có nghĩa vụ hoàn lại cho chị Nguyễn Thị T số tiền 518.929.509 đồng (Đã bao gồm cả tiền chi phí đo đạc thẩm định).

7. Buộc ông Nguyễn Thành Công có nghĩa vụ thanh toán cho anh Hoàng Thế C số tiền 136.066.000 đồng.

8. Về án phí: Án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình chị T phải nộp 300.000 đồng.

- Án phí dân sự đối với nghĩa vụ thanh toán nợ chung chị T, anh C mỗi người phải chịu 14.744.000 đồng.

- Án phí đối với tài sản được chia sau khi đôi trừ nợ, anh C phải chịu 76.305.245 đồng, tổng án phí anh C phải chịu 91.049.245 đồng, ngày 26/3/2020, anh đã dự nộp 3.125.000 đồng tại lai thu số 1596 được đôi trừ, anh phải nộp tiếp 87.924.245 đồng.

Chị T phải chịu 38.399.430 đồng, tổng án phí chị T phải chịu 53.143.430 đồng, ngày 10/01/2020 và ngày 13/4/2020 tại các lai thu số 1297 và 1619 chị T đã dự nộp tổng cộng 900.000 đồng được đôi trừ, chị phải nộp tiếp 52.243.430 đồng.

Đối với ông Nguyễn Thành Công là người cao tuổi, nên được miễn nộp án phí.

Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam không phải chịu án phí, ngày 22/7/2020 Ngân hàng đã dự nộp 13.118.000 đồng, theo lai thu số 2189 được nhận lại toàn bộ.



- Án phí phúc thẩm, chị T phải chịu 300.000đ, ngày 26/01/2021 chị đã dự nộp số tiền này theo lai thu số 0556 của Chi cục THA dân sự Tp.Cà Mau được chuyển thu.

Kể từ ngày người được Thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người bị thi hành án không thi hành xong nghĩa vụ thanh toán, thì hàng tháng còn phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thanh toán.

*Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân Tp.Cà Mau;
- Chi cục THADS Tp.Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ninh Quang Thế**